

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Ngành:	Quản lý giáo dục
Mã ngành:	8140114
Nhóm ngành:	Khoa học giáo dục
Định hướng chương trình:	Nghiên cứu
Khoa đào tạo:	Khoa học giáo dục

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2022

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Ngành:	Quản lý giáo dục
Mã ngành:	8140114
Nhóm ngành:	Khoa học giáo dục
Định hướng chương trình:	Nghiên cứu
Khoa đào tạo:	Khoa học giáo dục

1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu đào tạo

1.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục định hướng nghiên cứu có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực và tác phong chuyên nghiệp; trình độ chuyên môn vững vàng, **hiểu và thực hiện nghiêm túc đạo đức nghiên cứu**, có năng lực cao về nghiên cứu chuyên ngành; có năng lực vận dụng lí luận Quản lý giáo dục vào thực tiễn hoạt động giáo dục và đào tạo; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, giải quyết vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo; có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu để đạt học vị cao hơn trong tương lai.

1.1.2. Mục tiêu cụ thể

a) Về phẩm chất

- Thể hiện được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực trong công việc, sinh hoạt, thể hiện tính chuyên nghiệp trong tác phong làm việc và nghiên cứu.

b) Về năng lực

- Phân biện một cách khoa học và giải quyết vấn đề sáng tạo;
- Tự chủ trong quản lí và phát triển chuyên môn;
- Vận dụng có hiệu quả kiến thức, kĩ năng về chuyên ngành Quản lý giáo dục vào lập kế hoạch chiến lược và phát triển các hoạt động chuyên môn.

- Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo.
- Phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.
- Thực hiện có hiệu quả nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực Quản lý giáo dục.

1.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mã CDR	Mô tả
PHẨM CHẤT	
PLO 1	Thể hiện được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong làm việc chuyên nghiệp
PI.1.1	<i>Thể hiện được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp</i>
PI.1.1.1	Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong học tập, làm việc
PI.1.1.2	Thể hiện nghiêm chỉnh trách nhiệm và nghĩa vụ trong học tập, làm việc theo quy định (của Đảng, Nhà nước, cơ quan, tổ chức)
PI.1.2	<i>Thể hiện được tác phong làm việc chuyên nghiệp</i>
PI.1.2.1	Chủ động tìm hiểu về tác phong làm việc chuyên nghiệp liên quan đến nghề
PI.1.2.2	Ứng xử một cách chuyên nghiệp trong các tình huống nghiên cứu, làm việc
NĂNG LỰC CHUNG	
PLO 2	Phản biện một cách khoa học và giải quyết vấn đề sáng tạo
PI.2.1	<i>Phản biện các vấn đề một cách khoa học</i>
PI.2.1.1	Xác định vấn đề cần phản biện một cách chủ động
PI.2.1.2	Lập luận một cách khoa học với các luận cứ, luận chứng thuyết phục để phản biện vấn đề
PI.2.2	<i>Giải quyết vấn đề một cách sáng tạo</i>
PI.2.2.1	Xác định được phương thức giải quyết vấn đề một cách sáng tạo
PI.2.2.2	Thực hiện phương thức đã lựa chọn để giải quyết vấn đề một cách linh hoạt, sáng tạo
PLO 3	Tự chủ trong quản lý và phát triển chuyên môn
PI.3.1	<i>Đề xuất được các sáng kiến mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn</i>
PI.3.1.1	Phân tích được các định hướng cải tiến lĩnh vực chuyên môn

Mã CDR	Mô tả
PI.3.1.2	Đề xuất được các sáng kiến hướng đến tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn
PI.3.2	<i>Thích ứng và hướng dẫn người khác thực hiện được hoạt động chuyên môn</i>
PI.3.2.1	Thích ứng và tự định hướng được hoạt động chuyên môn
PI.3.2.2	Hướng dẫn người khác thực hiện hoạt động chuyên môn một cách hiệu quả
NĂNG LỰC CHUYÊN NGÀNH	
PLO 4. Vận dụng kiến thức, kĩ năng Quản lý giáo dục vào giải quyết các vấn đề phát triển cơ sở giáo dục	
PI 4.1	<i>Phát triển chương trình/dự án giáo dục và đào tạo</i>
PI4.1.1	Phân tích lí luận về phát triển chương trình/ dự án giáo dục và đào tạo
PI4.1.2	Xây dựng và phát triển được chương trình/dự án giáo dục và đào tạo
PI 4.2	<i>Tự đánh giá được chất lượng giáo dục và xây dựng văn hóa nhà trường</i>
PI4.2.1	Tự đánh giá chất lượng giáo dục dựa trên các bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng
PI4.2.2	Phân tích được các nội dung cơ bản của việc xây dựng văn hóa nhà trường
PI 4.3	<i>Phân tích chính sách và các nguồn lực trong giáo dục</i>
PI4.3.1	Phân tích các chính sách giáo dục hiện nay
PI4.3.2	Vận dụng các quy trình quản lý trong việc huy động các nguồn lực phục vụ việc dạy học và giáo dục
PLO 5. Thực hiện nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực Quản lý giáo dục	
PI 5.1	<i>Xây dựng được đề cương nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực Quản lý giáo dục</i>
PI5.1.1	Xác định được vấn đề nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực Quản lý giáo dục
PI5.1.2	Xác lập được đề cương nghiên cứu của một đề tài trong lĩnh vực Quản lý giáo dục
PI5.2	<i>Thực hiện được công trình nghiên cứu khoa học chuyên sâu trong lĩnh vực Quản lý giáo dục và báo cáo kết quả nghiên cứu</i>

Mã CDR	Mô tả
PI5.2.1	Tổ chức hoạt động nghiên cứu
PI5.2.2	Báo cáo kết quả nghiên cứu theo các quy chuẩn khoa học

1.3. Cơ hội việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp thạc sĩ Quản lý giáo dục định hướng nghiên cứu có thể làm việc ở những vị trí:

- Giảng viên giảng dạy ngành, chuyên ngành Khoa học giáo dục, Quản lý giáo dục tại các cơ sở đại học, cao đẳng, trung cấp và tương đương;
- Giáo viên phụ trách công tác Đội, trợ lý thanh niên, quản sinh, công tác chủ nhiệm lớp, hoạt động trải nghiệm/Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp tại các trường phổ thông.
- Chuyên gia, cố vấn, cán bộ quản lý, chuyên viên tại các cơ quan quản lý giáo dục của nhà nước và địa phương, các tổ chức giáo dục trong và ngoài nhà nước; các bộ phận đào tạo, bồi dưỡng, nhân sự ở các doanh nghiệp, công ty;
- Cán bộ quản lý, cán bộ phụ trách về văn hóa – giáo dục cộng đồng của các tổ chức Đảng và đoàn thể;
- Cán bộ quản lý, chuyên viên của Bộ Giáo dục và đào tạo và tương đương, Sở giáo dục và đào tạo và tương đương, Phòng giáo dục và đào tạo, và cơ sở giáo dục;
- Nghiên cứu viên làm việc trong lĩnh vực giáo dục

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi tốt nghiệp, học viên có thể trở thành nghiên cứu sinh chuyên ngành Quản lý giáo dục hoặc Giáo dục học tại các trường đại học trong và ngoài nước để nhận học vị tiến sĩ sau khi bảo vệ thành công luận án.

1.5. Thời gian đào tạo: 2 năm

1.6. Tổng số tín chỉ: 62 tín chỉ

1.7. Thang điểm

a) Điểm học phần là điểm trung bình có trọng số của các điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần (tổng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thi kết thúc học phần đã nhân với trọng số tương ứng của từng điểm được quy định

trong đề cương chi tiết học phần). Điểm học phần được làm tròn đến hai chữ số thập phân sau dấu phẩy, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

Loại	Thang điểm 10	Thang điểm chữ
Đạt	Từ 8,5 đến 10	A
	Từ 7,8 đến cận 8,5	B ⁺
	Từ 7,0 đến cận 7,8	B
	Từ 6,3 đến cận 7,0	C ⁺
	Từ 5,5 đến cận 6,3	C
Không đạt	Dưới 5,5	D

b) Điểm chữ của học phần được quy đổi về thang điểm 4 của học phần, cụ thể;

Thang điểm chữ	Thang điểm 4
A	4,0
B ⁺	3,5
B	3,0
C ⁺	2,5
C	2,0
D ⁺	1,5
D	1,0
F ⁺	0,5
F	0,0

c) Các trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

1.8. Các chương trình đối sánh, tham khảo

Tham khảo 3 chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ tương ứng tại 3 trường đại học trong và ngoài nước:

- Chương trình thạc sĩ Quản lý giáo dục – Trường Đại học Sư phạm Hà Nội;
- Chương trình thạc sĩ Quản lý giáo dục – Viện Khoa học giáo dục Việt Nam;

- Chương trình thạc sĩ Lãnh đạo giáo dục – Đại học Monash, Úc.

2. TUYỂN SINH

2.1. Phương thức: Có 2 phương thức: Thi tuyển hoặc xét tuyển

2.2. Đối tượng tuyển sinh

2.2.1. Điều kiện dự tuyển

+ Về văn bằng

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển; ngành gần, ngành khác với ngành đăng ký dự tuyển phải có Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp hoặc tương đương trở lên;

b) Đối với người đăng ký dự tuyển vào chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu phải tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

c) Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

+ Về năng lực ngoại ngữ: Người dự tuyển phải đáp ứng một trong các yêu cầu về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài;

b) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên mà chương trình đào tạo được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên mà các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành của chương trình đào tạo được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài;

d) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học trở lên do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cấp trong thời gian không quá 02 năm (24 tháng) có chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ dự tuyển chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ;

đ) Có chứng chỉ ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển;

e) Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển;

g) Có điểm đạt từ 50% trở lên đối với thang điểm của bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ tuyển sinh đầu vào do Trường tổ chức;

e) Người dự tuyển là công dân nước ngoài có nguyện vọng học tập tại Việt Nam phải đạt trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt, trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển.

+ Về kinh nghiệm công tác chuyên môn

a) Người dự tuyển đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành gần, ngành khác với chuyên ngành Quản lý giáo dục phải có tối thiểu 2 năm (24 tháng) kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực giáo dục (gồm: bản sao có công chứng quyết định tuyển dụng hoặc bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động và giấy xác nhận hợp pháp của cơ quan công tác;

b) Người dự tuyển đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, ngành phù hợp với chuyên ngành Quản lý giáo dục hoặc các chuyên ngành tuyển sinh khác không yêu cầu về kinh nghiệm công tác chuyên môn.

+ Các yêu cầu khác

a) Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;

b) Có đủ sức khỏe để học tập và nghiên cứu;

c) Nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển đầy đủ, hợp lệ và đúng thời hạn theo quy định của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2.2. Phương thức thi tuyển:

Các môn thi tuyển gồm:

- Môn ngoại ngữ: Theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ và các văn bản hướng dẫn bổ sung.

- Môn cơ bản: Giáo dục học

- Môn cơ sở: Đại cương khoa học quản lý giáo dục

2.2.3. Xét tuyển:

Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc đại học. Chi tiết được quy định trong Đề án tuyển sinh hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Điều kiện trúng tuyển

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

2.4. Chương trình bổ sung kiến thức

2.4.1. Danh sách các chuyên ngành phù hợp

Danh mục các ngành phải học bổ sung kiến thức gồm:

- Nhóm 1: Đào tạo giáo viên; Quản lý văn hóa, Quản lý nhà nước, Quản lý thông tin, Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, Quản lý thể dục thể thao, Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án, Quản lý nhà nước về an ninh trật tự, Tâm lý học giáo dục.

- Nhóm 2: Tất cả các ngành ngoại trừ các ngành đã liệt kê ở nhóm 1.

2.4.2. Khung chương trình bổ sung kiến thức

2.4.2.1. Nhóm 1

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Giáo dục học	4
2	Đại cương về khoa học quản lý	2
3	Đại cương khoa học quản lý giáo dục	3
4	Tổ chức quản lý cơ sở giáo dục	2
Tổng số tín chỉ		11

2.4.2.2. Nhóm 2

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
----	--------------	------------

1	Giáo dục học	4
2	Đại cương về khoa học quản lý	2
3	Đại cương khoa học quản lý giáo dục	3
4	Tổ chức quản lý cơ sở giáo dục	2
5	Tâm lý học đại cương	2
6	Chiến lược phát triển giáo dục	2
Tổng số tín chỉ		15

3. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

a) Đã hoàn thành chương trình thuộc ngành đào tạo trong thời hạn đào tạo theo quy định;

b) Đã nộp và bảo vệ luận văn, đề án được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn hoặc tập thể người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc đã chỉnh sửa luận văn, đề án đúng và đủ theo kết luận của hội đồng;

c) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

d) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Khối học phần	Tổng số tín chỉ	Tỉ lệ	Bắt buộc		Tự chọn	
			Số TC	Tỉ lệ	Số TC	Tỉ lệ
Kiến thức chung	5	8,06	5	100	0	0
Kiến thức chuyên ngành	30	48,39	21	70,0	9	30,0

Chuyên đề nghiên cứu	12	19,36	12	100	0	0
Luận văn tốt nghiệp	15	24,19	15	100	0	0
Tổng	62	100%	53		9	

4.2. Khung chương trình

Quy ước viết tắt trong bảng: TC: Tự chọn; LT: Lí thuyết; TH, TL: Thực hành, thảo luận; QT: Quá trình; TK: Tổng kết

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	L T	TH, TL	Hệ số kiểm tra	
						QT	TK
I	KIẾN THỨC CHUNG		5				
1	08QLGD1001	Triết học	4	30	15	0.4	0.6
2	08QLGD1002	Đạo đức nghiên cứu khoa học	1	10	5	0.5	0.5
II	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH		30				
	Học phần bắt buộc		21				
3	08QLGD2003	Phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục	3	15	30	0.5	0.5
4	08QLGD2004	Ứng dụng tâm lý học trong quản lý giáo dục	3	15	60	0.5	0.5
5	08QLGD2005	Khoa học quản lý giáo dục	3	30	30	0.5	0.5
6	08QLGD2006	Chính sách giáo dục và quản lý nhà trường	3	30	30	0.5	0.5
7	08QLGD2007	Quản lý xây dựng và phát triển chương trình giáo dục	3	15	45	0.5	0.5
8	08QLGD2008	Đảm bảo chất lượng giáo dục	3	30	30	0.6	0.4
9	08QLGD2009	Quản lý nhân sự trong nhà trường	3	30	30	0.5	0.5
	Học phần tự chọn:		9				

10	08QLGD2010	Xây dựng và quản lý dự án phát triển giáo dục	3	30	15	0.5	0.5
11	08QLGD2011	Quản lý hoạt động giáo dục toàn diện	3	30	30	0.5	0.5
12	08QLGD2012	Ứng dụng Marketing trong giáo dục	3	15	60	0.5	0.5
13	08QLGD2013	Giáo dục so sánh	3	30	30	0.5	0.5
14	08QLGD2014	Xây dựng và phát triển văn hóa nhà trường	3	30	30	0.5	0.5
15	08QLGD2015	Quản lý sự thay đổi trong giáo dục	3	30	15	0.5	0.5
16	08QLGD2016	Quản lý tài chính trong trường học nâng cao	3	30	15	0.5	0.5
17	08QLGD2017	Quản lý thông tin trong giáo dục	3	40	20	0.5	0.5
18	08QLGD2018	Quản lý cơ sở vật chất và thiết bị trong giáo dục	3	30	30	0.5	0.5
19	08QLGD2019	Dự báo giáo dục	3	30	30	0.5	0.5
20	08QLGD2020	Phương pháp nghiên cứu định tính	3	30	30	0.6	0.4
21	08QLGD2021	Phương pháp nghiên cứu định lượng	3	15	30	0.5	0.5
III	CHUYÊN ĐỀ NGHIÊN CỨU		12				
22	08QLGD3022	Chuyên đề nghiên cứu 1 (CSLL)	4	0	45	0	100
23	08QLGD3023	Chuyên đề nghiên cứu 2 (Thực trạng)	4	0	45	0	100
24	08QLGD3024	Chuyên đề nghiên cứu 3 (Giải pháp)	4	0	45	0	100
IV	08QLGD5025	LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP	15	0	22 5	0	100

	Tổng số tín chỉ	62				
--	------------------------	-----------	--	--	--	--

5. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
Học kì 1 (Tổng cộng: 17 TC, bao gồm 17 tín chỉ bắt buộc)		
08QLGD1001	Triết học	04
08QLGD1002	Đạo đức nghiên cứu khoa học	01
08QLGD2003	Phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục	03
08QLGD2004	Ứng dụng tâm lý học trong quản lý giáo dục	03
08QLGD2005	Khoa học quản lý giáo dục	03
08QLGD2006	Chính sách giáo dục và quản lý nhà trường	03
Học kì 2 (Tổng cộng: 18TC, bao gồm 9 tín chỉ bắt buộc và 09 tín chỉ tự chọn)		
3 HP bắt buộc		
08QLGD2007	Quản lý xây dựng và phát triển chương trình giáo dục	03
08QLGD2008	Đảm bảo chất lượng giáo dục	03
08QLGD2009	Quản lý nhân sự trong nhà trường	03
Chọn 3 học phần (9 tín chỉ): mỗi nhóm chỉ chọn 1 HP (3TC) từ 5 nhóm học phần sau		
Nhóm 1 - Dạy học và giáo dục		
08QLGD2010	Xây dựng và quản lý dự án phát triển giáo dục	03
08QLGD2011	Quản lý hoạt động giáo dục toàn diện	03
08QLGD2012	Ứng dụng Marketing trong giáo dục	03
08QLGD2013	Giáo dục so sánh	03
Nhóm 2 - Đảm bảo chất lượng		
08QLGD2014	Xây dựng và phát triển văn hóa nhà trường	03
08QLGD2015	Quản lý sự thay đổi trong giáo dục	03
Nhóm 3 - Các nguồn lực		
08QLGD2016	Quản lý tài chính trong trường học nâng cao	03
08QLGD2017	Quản lý thông tin trong giáo dục	03
08QLGD2018	Quản lý cơ sở vật chất và thiết bị trong giáo dục	03

08QLGD2019	Dự báo giáo dục	03
Nhóm 4 - Hỗ trợ nghiên cứu		
08QLGD2020	Phương pháp nghiên cứu định tính	03
08QLGD2021	Phương pháp nghiên cứu định lượng	03
Học kì 3 và 4 (Tổng cộng: 27TC, bao gồm 12 tín chỉ chuyên đề bắt buộc, 15 tín chỉ luận văn tốt nghiệp bắt buộc)		
08QLGD3022	Chuyên đề nghiên cứu 1 (CSLL)	04
08QLGD3023	Chuyên đề nghiên cứu 2 (Thực trạng)	04
08QLGD3024	Chuyên đề nghiên cứu 3 (Giải pháp)	04
08QLGD5025	Luận văn tốt nghiệp	15

6. MÔ TẢ HỌC PHẦN

1. TRIẾT HỌC

- Số tín chỉ: 3
- Mã học phần: 08QLGD1001
- Nhóm học phần: Kiến thức chung

Học phần Triết học gồm 8 chương, trong đó gồm: chương mở đầu (chương 1: Khái luận về triết học) nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; 3 chương bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn (chương 2: Bản thể luận, chương 3: Phép biện chứng, chương 4: Nhận thức luận); 4 chương bao quát các nội dung lí luận triết học về xã hội và con người (chương 5: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, chương 6: Triết học chính trị, chương 7: Ý thức xã hội, chương 8: Triết học về con người).

2. ĐẠO ĐỨC TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

- Số tín chỉ: 1
- Mã học phần: 08QLGD1002
- Nhóm học phần: Kiến thức chung

Học phần thuộc khối kiến thức chung, góp phần giúp học viên đạt được chuẩn đầu ra chung của chương trình đào tạo thạc sĩ gồm: Thể hiện được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tác phong làm việc chuyên nghiệp; Phản biện một cách khoa học và giải quyết vấn đề sáng tạo. Học phần gồm 03 nội dung liên quan đến tổng quan về nghiên cứu khoa học; Đạo đức và các hành vi vi phạm đạo đức trong nghiên cứu khoa

học; Quy định trích dẫn và kiểm tra đạo văn tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh và phần mềm trích dẫn Mendeley.

3. Học phần: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC QUẢN LÝ GIÁO DỤC

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08QLGD2003
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục là học phần bắt buộc thuộc kiến thức chuyên ngành, bao gồm các chương lý thuyết về (a) phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học; (b) các giai đoạn của một công trình nghiên cứu khoa học QLGD (c) một số phương pháp, loại hình và phương tiện nghiên cứu khoa học QLGD và (d) cách trình bày một công trình nghiên cứu. Học phần trang bị cho người học những vấn đề phương pháp luận và phương pháp thiết kế và thực hiện một nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục.

4. Học phần: ỨNG DỤNG TÂM LÝ HỌC TRONG QUẢN LÝ GIÁO DỤC

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08QLGD2004
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần có ba phần nội dung. Đây là học phần bắt buộc, thuộc nhóm học phần kiến thức chuyên ngành. Thông qua học phần này, người học hệ thống hóa kiến thức về tâm lý cá nhân và tâm lý nhóm, từ đó ứng dụng kiến thức này trong quản lý giáo dục. Học phần giúp người học thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và giải quyết vấn đề sáng tạo.

5. Học phần: KHOA HỌC QUẢN LÝ GIÁO DỤC

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08QLGD2005
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

Học phần Khoa học quản lý giáo dục là học phần bắt buộc trong nhóm học phần thuộc kiến thức chuyên ngành. Học phần có 6 nội dung cơ bản, bao gồm: Các tri thức khái quát về khoa học QLGD; Các mô hình QLGD; Mục tiêu QLGD; Nội dung QLGD và các tiếp cận trong QLGD; Nguyên tắc, phương pháp và phong cách QLGD; Kỹ năng quản lý và quyết định quản lý trong QLGD. Thông qua học phần này, HV có khả năng phân tích được các tri thức khái quát về KHQLGD; phân tích được các mô hình QLGD và xác lập được mục tiêu quản lý cho một cơ sở giáo dục; phân tích được các nội dung QLGD, vận dụng được các tiếp cận QL trong QLGD; xác định và phân tích được các nguyên tắc, phương pháp, phong cách QLGD; biết lựa chọn vấn đề để đưa ra một quyết định quản lý và thực hiện được các bước ra quyết định phù hợp với lý luận và thực tiễn.

6. Học phần: CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC VÀ QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG

- Số tín chỉ: 03

- Mã học phần: 08QLGD2006

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

Học phần Chính sách giáo dục và Quản lý nhà trường là học phần bắt buộc trong nhóm học phần thuộc kiến thức chuyên ngành, bao gồm 2 phần. Phần 1 - Chính sách phát triển giáo dục bao gồm: Khái niệm và các yêu cầu của chính sách, Quy trình xây dựng chính sách, tổ chức thực hiện chính sách và tổng kết đánh giá chính sách, Chính sách phát triển giáo dục một số nước và Việt Nam. Phần 2 - Quản lý nhà trường, bao gồm: Tổng quan về Quản lý nhà trường, Quản lý xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường, Quản lý dạy học, Quản lý bộ máy tổ chức và đội ngũ nhân sự trong nhà trường, Quản lý cơ sở vật chất, thiết bị và tài chính trong nhà trường, Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học trong nhà trường, Quản lý các hoạt động về môi trường giáo dục của nhà trường. Thông qua học phần này, HV có khả năng phân tích được chính sách phát triển giáo dục, triển khai các hoạt động Quản lý nhà trường theo đúng yêu cầu; nhận diện được các vấn đề trong Quản lý nhà trường và biết cách giải quyết phù hợp với lý luận và thực tiễn

7. Học phần: QUẢN LÝ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08QLGD2007
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần có ba nội dung, trong đó, có hai nội dung lí thuyết và một nội dung thực hành. Đây là học phần bắt buộc **thuộc kiến thức chuyên ngành**. Thông qua học phần này, người học hệ thống hóa kiến thức về hoạt động xây dựng và phát triển chương trình giáo dục và nội dung quản lý hoạt động này, và thực hành tìm hiểu thực tế hoạt động này và quản lý hoạt động này tại một cơ sở giáo dục cụ thể. Học phần giúp người học thể hiện tác phong làm việc chuyên nghiệp và phát triển các dự án giáo dục của cơ sở giáo dục.

8. Học phần: ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08QLGD2008
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần Đảm bảo chất lượng giáo dục là một học phần chuyên ngành bắt buộc **thuộc kiến thức chuyên ngành**. Học phần bao gồm các nội dung liên quan đến (a) các khái niệm cơ bản trong đảm bảo chất lượng, (b) các cách tiếp cận trong đảm bảo chất lượng giáo dục trong nước và thế giới, (c) hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục, (d) các nguyên tắc xây dựng và triển khai hệ thống đảm bảo chất lượng, và (e) các qui định của Việt Nam trong kiểm định chất lượng giáo dục. Học phần giúp học viên có thể tự đánh giá được chất lượng giáo dục tại đơn vị công tác (dựa vào một tiêu chuẩn của Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục hay chương trình đào tạo).

9. Học phần: QUẢN LÝ NHÂN SỰ TRONG NHÀ TRƯỜNG

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08QLGD2009
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: **Không**

- Nội dung:

Học phần Quản lý nhân sự trong giáo dục là học phần bắt buộc trong nhóm học phần thuộc kiến thức chuyên ngành, bao gồm 4 phần lý thuyết, 6 bài tập thực hành và 1 tiểu luận kết thúc học phần. Thông qua học phần này, người học lĩnh hội những vấn đề khái quát về quản lý nhân sự trong giáo dục; nhiệm vụ, quyền hạn của hiệu trưởng, mục tiêu, và những yêu cầu về quản lý nhân sự của hiệu trưởng; nội dung quản lý nhân sự trong nhà trường; các nhân tố tác động đến quản lý nhân sự trong nhà trường. Trên cơ sở này, người học trình bày được bản chất, phương pháp quản lý nhân sự trong giáo dục; phân tích được nhiệm vụ, quyền hạn của hiệu trưởng và những yêu cầu về quản lý nhân sự của hiệu trưởng; phân tích được nội dung quản lý nhân sự và các nhân tố tác động đến quản lý nhân sự trong nhà trường.

10. Học phần: XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC

- Số tín chỉ: 03

- Mã học phần: 08QLGD2010

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: **Không**

- Nội dung:

Học phần Xây dựng và quản lý dự án phát triển giáo dục là học phần tự chọn trong chương trình, bao gồm các chương lý thuyết về (a) lập kế hoạch chiến lược phát triển giáo dục; (b) lập kế hoạch quản lý dự án phát triển giáo dục và đào tạo; và (c) lập kế hoạch ngân sách và thiết lập cơ chế kiểm tra ngân sách trong dự án phát triển giáo dục và đào tạo. **Thông qua học phần này, người học lĩnh hội** những vấn đề lý luận về xây dựng và phát triển dự án giáo dục và đào tạo, từ đó có kỹ năng xây dựng và quản lý dự án phát triển giáo dục.

11. Học phần: QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TOÀN DIỆN

- Số tín chỉ: 03

- Mã học phần: 08QLGD2011

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: **Không**

- Nội dung:

Học phần Quản lý hoạt động giáo dục toàn diện là học phần tự chọn trong nhóm học phần kiến thức chuyên ngành, bao gồm 3 phần lý thuyết, 3 bài tập thuyết trình/thực hành cá nhân, nhóm và 1 tiểu luận kết thúc học phần. Thông qua học phần này, người học lĩnh hội những kiến thức khái quát về hoạt động giáo dục và quản lý hoạt động giáo dục toàn diện trong nhà trường; Nội dung và biện pháp quản lý các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Trên cơ sở đó người học nhận xét, đánh giá thực tiễn các hoạt động giáo dục và quản lý hoạt động giáo dục, định hướng các biện pháp quản lý các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

12. Học phần: ỨNG DỤNG MARKETING TRONG GIÁO DỤC

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08QLGD2012
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: **Không**
- Nội dung:

Học phần có ba nội dung, trong đó có cả lý thuyết và thực hành. Đây là học phần tự chọn, thuộc nhóm học phần **kiến thức chuyên ngành**. Thông qua học phần này, người học hệ thống hóa kiến thức về bản chất và mô hình 4P trong marketing trong giáo dục, từ đó ứng dụng kiến thức vào việc phát triển các sản phẩm, dịch vụ của cơ sở giáo dục. **Trên cơ sở này**, người học thể hiện tác phong làm việc chuyên nghiệp và phát triển các dự án giáo dục của cơ sở giáo dục.

13. Học phần: GIÁO DỤC SO SÁNH

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08QLGD2013
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: **Không**
- Nội dung:

Học phần Giáo dục so sánh là học phần tự chọn trong nhóm học phần thuộc kiến thức chuyên ngành, bao gồm 5 phần lý thuyết, 3 bài tập thuyết trình nhóm, 3 bài tập thực hành nhóm và 1 tiểu luận kết thúc học phần. Thông qua học phần này, **người học** lĩnh hội những kiến thức khái quát về giáo dục so sánh; Nội dung của giáo dục so sánh; Phương pháp thực hiện giáo dục so sánh; Nhận xét bài tập giáo dục so sánh. Trên cơ sở này, người học phân tích được mục đích, nội dung, phương pháp thực hiện

giáo dục so sánh, nhận xét được bài tập giáo dục so sánh, hướng dẫn người khác thực hiện được hoạt động chuyên môn, phát triển chương trình/dự án giáo dục và đào tạo.

14. Học phần: XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA NHÀ TRƯỜNG

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08QLGD2014
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần Xây dựng và phát triển văn hóa nhà trường là học phần tự chọn **thuộc kiến thức chuyên ngành**, gồm hệ thống kiến thức lý luận cơ bản, hiện đại về Văn hóa tổ chức (VHTC): khái quát về văn hóa; khái niệm VHTC, cấu trúc và phân loại văn hóa tổ chức, các nhân tố ảnh hưởng đến VHTC; Văn hóa nhà trường (VHNT): tầm quan trọng của VHNT, các yếu tố cấu thành của văn hóa nhà trường; căn cứ, nội dung xây dựng và phát triển VHNT, định hình các giá trị cốt lõi nhà trường và cách thức xây dựng và phát triển VHNT; vai trò của Hiệu trưởng trong việc xây dựng và phát triển VHNT. Thông qua học phần này, HV có khả năng phân tích được các nội dung cơ bản của việc xây dựng và phát triển VHNT, triển khai các hoạt động Quản lý xây dựng và phát triển VHNT phù hợp với lý luận và thực tiễn.

15. Học phần: QUẢN LÝ SỰ THAY ĐỔI TRONG GIÁO DỤC

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08QLGD2015
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần Quản lý sự thay đổi trong giáo dục là học phần tự chọn **thuộc kiến thức chuyên ngành**, bao gồm các chương lý thuyết về (a) sự thay đổi trong giáo dục và quản lý giáo dục, trường học; (b) những định hướng chiến lược, các quan điểm chỉ đạo về phát triển giáo dục và các mô hình quản lý giáo dục và trường học hiện nay của thế giới và Việt Nam; và (c) những tiếp cận trong quản lý sự thay đổi trong giáo dục để đạt được mục tiêu của giáo dục. Học phần trang bị cho người học những vấn đề lý luận về quản lý sự thay đổi trong giáo dục, từ đó có nền tảng thích ứng với sự thay đổi trong công tác quản lý giáo dục

16. Học phần: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TRONG TRƯỜNG HỌC

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08QLGD2016
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần Quản lý tài chính trong trường học (QLTCTTH) là học phần tự chọn **thuộc kiến thức chuyên ngành**, gồm các nội dung nhằm hình thành và phát triển cho học viên ngành Quản lý Giáo dục (a) hệ thống tri thức và kỹ năng phân tích các yếu tố thành phần của quản trị tài chính trong giáo dục (b) chủ thể và đối tượng, nội dung, phương pháp, phương tiện, kết quả của quản trị tài chính trong giáo dục; chủ thể, mục tiêu, đối tượng, khách thể, nội dung, (c) phương pháp, phương tiện, chức năng, kết quả của quản trị tài chính trong giáo dục.

17. Học phần: QUẢN LÝ THÔNG TIN TRONG GIÁO DỤC

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08QLGD2017
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần Quản lý thông tin trong giáo dục là học phần tự chọn **thuộc kiến thức chuyên ngành**, bao gồm 3 phần lý thuyết, 1 bài tập trắc nghiệm và 2 bài tập thực hành. Thông qua học phần này, **người học** lĩnh hội hệ thống tri thức cơ bản về quản lý thông tin trong giáo dục: (1) Nguồn thông tin và quản lý nguồn thông tin trong giáo dục, (2) Hệ thống thông tin quản lý giáo dục ở Việt Nam và (3) Tổ chức hoạt động quản lý thông tin trong cơ sở giáo dục. Trên cơ sở này, người học vận dụng để phát triển kỹ năng nhận biết, phát hiện, phản biện vấn đề, phân tích được chính sách và nguồn thông tin trong giáo dục, tổ chức được hoạt động quản lý thông tin trong cơ sở giáo dục một cách khoa học, hợp lý.

18. Học phần: QUẢN LÝ CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ THIẾT BỊ TRONG GIÁO DỤC

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08QLGD2018

- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần Quản lý cơ sở vật chất và thiết bị trong giáo dục là học phần tự chọn thuộc kiến thức chuyên ngành, bao gồm 4 phần lý thuyết, 6 bài tập thực hành và 1 Tiểu luận kết thúc học phần. Thông qua học phần này, người học lĩnh hội những vấn đề khái quát về quản lý cơ sở vật chất, thiết bị trong cơ sở giáo dục; quyền hạn, trách nhiệm của hiệu trưởng/thủ trưởng về quản lý CSVC&TB trong cơ sở giáo dục; nghiệp vụ quản lý CSVC&TB trong cơ sở giáo dục, và quy trình quản lý việc huy động và sử dụng các nguồn lực cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ dạy học, giáo dục trong cơ sở giáo dục. Trên cơ sở này, người học phân tích được vai trò CSVC&TB trong giáo dục, phân loại được CSVC&TB trong cơ sở giáo dục, và trình bày được mục tiêu, ý nghĩa, bản chất, nguyên tắc quản lý CSVC&TB trong cơ sở giáo dục; phân tích được quyền hạn, trách nhiệm của hiệu trưởng/thủ trưởng về quản lý CSVC&TB trong cơ sở giáo dục; phân tích được nghiệp vụ quản lý CSVC&TB trong cơ sở giáo dục; phân tích quy trình quản lý việc huy động và sử dụng nguồn CSVC&TB phục vụ dạy học, giáo dục và có thể vận dụng nó vào cơ sở giáo dục.

19. Học phần: DỰ BÁO GIÁO DỤC

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08QLGD2019
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần gồm có 3 phần lý thuyết. Học phần này là học phần tự chọn trong nhóm học phần nền tảng. Thông qua học phần, người học lĩnh hội hệ thống tri thức về dự báo giáo dục (đối tượng, ý nghĩa, chức năng, mục tiêu, nguyên tắc, nội dung, phương pháp dự báo) và dự báo phát triển giáo dục trong các loại hình trường. Trên cơ sở này, người học vận dụng các kiến thức vào thực tiễn quản lý tại các cơ sở giáo dục.

20. Học phần: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU ĐỊNH TÍNH

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08QLGD2020
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành

- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần nghiên cứu định tính trong quản lý giáo dục là học phần tự chọn **thuộc kiến thức chuyên ngành**, bao gồm 4 phần lý thuyết, 2 bài tập thực hành và 1 Tiểu luận kết thúc học phần. Thông qua học phần này, người học lĩnh hội kiến thức khái quát về nghiên cứu định tính, thu thập dữ liệu định tính, phân tích dữ liệu định tính, hoàn thành báo cáo nghiên cứu định tính. Từ đó người học có thể có thể thiết kế, tìm nguồn, lựa chọn, thực hiện và đánh giá các phương pháp định tính phù hợp nghiên cứu về giáo dục học và quản lý giáo dục; thu thập dữ liệu trong thông qua nền tảng internet và các cơ hội để họ thực hiện nghiên cứu định tính thứ cấp.

21. Học phần: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU ĐỊNH LƯỢNG

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 08QLGD2021
- Khối học phần: Kiến thức chuyên ngành
- Học phần tiên quyết/học trước/hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần Phương pháp nghiên cứu định lượng là học phần tự chọn **thuộc kiến thức chuyên ngành**, bao gồm 6 phần lý thuyết, 10 bài tập thực hành và 1 tiểu luận kết thúc học phần hoặc bài báo khoa học thay thế. Thông qua học phần này, **người học** lĩnh hội Tổng quan về nghiên cứu định lượng; Các bước thực hiện một công trình nghiên cứu; Xây dựng công cụ nghiên cứu; Chọn mẫu nghiên cứu; Độ chuẩn xác và độ tin cậy của nghiên cứu; Các phương pháp phân tích thống kê trong nghiên cứu. Trên cơ sở này, người học thực hiện được các bước của công trình nghiên cứu khoa học, xây dựng công cụ nghiên cứu, thực hiện chọn mẫu nghiên cứu, phân tích dữ liệu, báo cáo và diễn giải kết quả thống kê trong nghiên cứu.

23. CHUYÊN ĐỀ NGHIÊN CỨU 1 (CSLL)

24. CHUYÊN ĐỀ NGHIÊN CỨU 2 (THỰC TRẠNG)

25. CHUYÊN ĐỀ NGHIÊN CỨU 3 (GIẢI PHÁP)

26. LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP

7. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

7.1. Danh sách giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Định hướng nghiên cứu	Học phần sẽ giảng dạy
1	Nguyễn Đức Danh	TS	GDH	GDH, QLGD	Phương pháp nghiên cứu khoa học QLGD Xây dựng và quản lý dự án phát triển giáo dục Quản lý sự thay đổi trong GD Quản lý tài chính trong trường học
2	Nguyễn Đắc Thanh	TS	GDH	GDH, QLGD	Giáo dục so sánh
3	Trần Thị Hương	PGS.TS	GDH	GDH, QLGD	Quản lý hoạt động giáo dục toàn diện
4	Nguyễn Sỹ Thư	PGS.TS	QLGD	GDH, QLGD	Khoa học quản lý giáo dục Chính sách giáo dục và quản lý nhà trường Xây dựng và phát triển văn hóa nhà trường
5	Dư Thống Nhất	TS	GDH	GDH, QLGD	Quản lý nhân sự trong giáo dục Quản lý cơ sở vật chất và thiết bị trong giáo dục Phương pháp nghiên cứu định lượng
6	Phạm Thị Hương	PGS.TS	GDH	GDH, QLGD	Đảm bảo chất lượng giáo dục Phương pháp nghiên cứu định tính
7	Huỳnh Lâm Anh Chương	TS	QLGD	GDH, QLGD	Ứng dụng tâm lý học trong quản lý giáo dục Quản lý xây dựng và phát triển chương trình Ứng dụng Marketing trong giáo dục
8	Nguyễn Thị Ngọc Cẩm	TS	QLGD	GDH, QLGD	Dự báo giáo dục

9	Nguyễn Ngọc Khá	PGS.TS	Triết học	Triết học	Triết học
---	-----------------	--------	-----------	-----------	-----------

7.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Định hướng nghiên cứu	Học phần sẽ giảng dạy
1	Lê Quỳnh Chi	TS	QLGD	KHGD, QLGD	Quản lý thông tin trong giáo dục

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY - HỌC TẬP

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh có:

- 01 Hội trường B với sức chứa hơn 900 người, đáp ứng việc tổ chức các sự kiện lớn, các hoạt động học tập, sinh hoạt chính trị, phổ biến quy chế, tổ chức các buổi tiếp nhận ý kiến đóng góp và giải đáp thắc mắc của sinh viên, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ của viên chức, sinh viên.

- 01 Nhà thi đấu và 01 Nhà luyện tập thể dục thể thao với sức chứa gần 300 người, đáp ứng nhu cầu học tập, tập luyện, thi đấu thể dục thể thao của viên chức, sinh viên.

- 08 Giảng đường (A103, A113, A303, A303, GD D, GD 18, GD 19, GĐA) với sức chứa gần 200 người, phù hợp với việc tổ chức giảng dạy nhiều học phần lí thuyết, tổ chức sinh hoạt sinh viên, thi nghiệp vụ sư phạm.

- 162 phòng học lý thuyết với sức chứa trung bình 50 người/phòng, đáp ứng việc tổ chức giảng dạy và tổ chức thi các học phần.

- 37 phòng máy vi tính hiện đại, đáp ứng nhu cầu học tập Công nghệ thông tin.

- 09 phòng học thông minh (B605, C401, C403, C405, C406, C407, C501, C503, C506) với hệ thống bảng tương tác.

- 32 phòng thực hành, thí nghiệm

- Phòng thí nghiệm Cơ – Nhiệt;

- Phòng thí nghiệm Điện – Quang;

- Phòng thí nghiệm Vật lý đại cương nâng cao;

- Phòng thí nghiệm Thực hành Vật lý phổ thông;

- Phòng thí nghiệm Điện kĩ thuật;

- Phòng thí nghiệm Vô tuyến điện;

- Phòng thí nghiệm Vật lý hạt nhân;
- Phòng máy tính hiệu năng cao;
- Hệ thống mạng internet phủ toàn trường, phát wifi miễn phí cho người học truy cập mạng, đăng kí, học tập trực tuyến qua các thiết bị cá nhân.
- Tất cả các phòng học lí thuyết đều được trang bị hệ thống âm thanh, máy chiếu.
- Trung tâm Tin học, Trung tâm Ngoại ngữ, Tổ Nữ công của Trường thường xuyên cập nhật chương trình, có chế độ miễn giảm học phí, khuyến khích người học học tập.
- Thư viện Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh có hàng chục nghìn đầu sách, giáo trình, tài liệu học tập, nghiên cứu; không chỉ kết nối, liên kết với hệ thống thư viện toàn quốc mà còn hợp tác với thư viện của nhiều trường đại học ở nước ngoài.
- Tài liệu, cơ sở dữ liệu: Thư viện, tủ sách khoa, cơ sở dữ liệu sách điện tử của khoa.

9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Để thực hiện chương trình này:

- Cán bộ quản lý phải đảm bảo cơ sở vật chất phù hợp, mở các lớp học đúng kế hoạch và đủ số lượng để sinh viên có thể hoàn thành chương trình trong thời hạn quy định.
- Giảng viên phải cung cấp chương trình chi tiết học phần kèm hình thức tổ chức dạy-học, cách thức đánh giá cho người học ngay buổi học đầu tiên. Cần lưu ý nội dung hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu đối với sinh viên để họ hoàn thành khối lượng kiến thức bài học theo yêu cầu tín chỉ (các vấn đề, các câu hỏi, bài tập, yêu cầu của giảng viên đối với các vấn đề đó).
- Người học phải tham khảo ý kiến cố vấn học tập để lựa chọn đúng học phần, biết tự tìm hiểu và xác định chương trình học tập, tự giác trong tự học, tự lên kế hoạch và lập thời gian biểu cho quá trình học tập.
- Các yêu cầu cần đảm bảo khi thực hiện chương trình xây dựng theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho người học:
 - Tập trung vào dạy cách học và rèn luyện năng lực tự học cho người học.
 - Tinh giản lý thuyết, gắn lý thuyết với thực tiễn, tăng cường thực hành, thảo luận, học tập theo nhóm.

- Cần chú ý việc vận dụng các kiến thức vào giải quyết những vấn đề cụ thể, sát thực với cuộc sống.

- Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối học phần, đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học.

- Đa dạng hóa các hình thức đánh giá, tăng cường đánh giá bằng hình thức vấn đáp hoặc thông qua các hoạt động thực hành, thuyết trình và các sản phẩm như báo cáo đánh giá, báo cáo tổng kết, tiểu luận, ...

- Đảm bảo tính hợp lý giữa lý thuyết và thực hành, giúp cho người học phát triển đầy đủ phẩm chất và năng lực để thực hiện hiệu quả các hoạt động giáo dục và dạy học.

- Triển khai thực hiện việc dạy học linh hoạt, đáp ứng nhu cầu cá nhân và kế hoạch học tập của người học nhưng phải đảm bảo tính khoa học của cấu trúc chương trình đào tạo.

- Bao quát, tích hợp được những tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông.

	<i>Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022</i> HIỆU TRƯỞNG Huỳnh Văn Sơn
--	---